

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 29/2022/QĐST-DS

Ô Môn, ngày 26 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2022, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 239/2020/TLST-DS, ngày 11 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số U, Khu vực H, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Bà **Lê Thị Cẩm L1**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Số U, Khu vực H, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ. (*Văn bản ủy quyền ngày 03/6/2020*)

- Ông **Phạm Thành Nh**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện B, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Số Y, đường R, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ. (*Văn bản ủy quyền ngày 03/6/2020*)

Bị đơn: Ông **Cao Thu H**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số Y, khu vực H, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Nguyễn Thị Mai Tr**, sinh năm 1971.
- Ông **Cao M**, sinh năm 1995.
- Bà **Cao Uyên U**, sinh năm 1999.
- Bà **Nguyễn Ngọc V**, sinh năm 1951.

Cùng địa chỉ: Số Y, khu vực H, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ.

- **Ngân hàng Thương mại cổ phần P (nay là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ).**

Địa chỉ: Số G đường Đ, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Võ Duy Thế Ph** – Chuyên viên tổ tụng - Phòng Quản lý khách hàng khu vực Tây Nam Bộ - Khối quản lý và Tái cấu trúc tài sản P. (*Văn bản ủy quyền số 2407/UQ-PVB ngày 16/4/2021*)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Nguyên đơn bà Phạm Thị L (có đại diện là bà Lê Thị Cẩm L1 và ông Phạm Thành Nh) và bị đơn ông Cao Thu H đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Cao Thu H, bà Nguyễn Thị Mai Tr với bà Phạm Thị L theo Tờ hợp đồng mua bán đất vườn ngày 10/7/2011. Cụ thể:

- Bà L được tiếp tục sử dụng diện tích đất 120m² (loại đất LNK; Trong đó có 12m² đường giao thông) tại vị trí A Bản trích đo địa chính số 50/TTKTTNMT ngày 11/8/2022 của Trung Tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ.

- Ông H đồng ý tách giấy, chuyển quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị L diện tích 120m² loại đất LNK. Đất thuộc thửa 306, tờ bản đồ số 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01147 cấp ngày 07/01/2004 do hộ ông Cao Thu H đứng tên. Đất tọa lạc tại khu vực H, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ.

- Bà L có nghĩa vụ trả cho ông H, bà Tr số tiền chuyển nhượng đất còn lại là 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*), giao nhận tiền ngày 30/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả thì phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều

468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.2/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mai Tr, ông Cao M, bà Cao Uyên U, bà Nguyễn Ngọc V và Ngân hàng Thương mại cổ phần P (nay là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - có đại diện là ông Võ Duy Thế Ph) thống nhất ý kiến với sự thỏa thuận trên của nguyên đơn và bị đơn, các đương sự không có ý kiến hoặc yêu cầu khác.

Các đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục đất đai theo quy định. *(Kèm theo Bản trích đo địa chính số 50/TTKTTNMT ngày 11/8/2022 của Trung Tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ).*

*** Về chi phí thẩm định, định giá tài sản và lệ phí trích đo địa chính:**

Bà Phạm Thị L (có đại diện là bà Lê Thị Cẩm L1 và ông Phạm Thành Nh) tự nguyện chịu số tiền 6.866.000 đồng *(Sáu triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng)*. Đã nộp xong.

Ông Cao Thu H tự nguyện chịu số tiền 796.000 đồng *(Bảy trăm chín mươi sáu nghìn đồng)*. Đã nộp xong.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:** Nguyên đơn và bị đơn, mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí, cụ thể:

- Bà Phạm Thị L (có đại diện là bà Lê Thị Cẩm L1 và ông Phạm Thành Nh) phải nộp $\frac{1}{2}$ án phí không có giá ngạch (về việc thực hiện hợp đồng chuyển nhượng) số tiền là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* và $\frac{1}{2}$ án phí có giá ngạch (đối với số tiền chuyển nhượng đất) số tiền là 75.000 đồng. Tổng số tiền án phí bà L phải nộp là 225.000 đồng *(Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 011328 ngày 05/11/2020, bà L được nhận lại số tiền 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Ông Cao Thu H phải nộp $\frac{1}{2}$ án phí không có giá ngạch (về việc thực hiện hợp đồng chuyển nhượng) số tiền 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* và $\frac{1}{2}$ án phí có giá ngạch (đối với số tiền chuyển nhượng đất) là 75.000 đồng. Tổng số tiền án phí ông Hào phải nộp là 225.000 đồng *(Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế